

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 27/2026/TLST-DS, ngày 15 tháng 01 năm 2026 về việc “tranh chấp về thừa kế tài sản”; thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn số 03/2026/TLYCPT-DS, ngày 12 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1969.

Tên gọi khác: Nguyễn Thị S.

Nơi cư trú: Xóm L trước kia, nay là xóm A, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Thị G:

Luật sư Lê Quang N và Luật sư Nguyễn Công Q - Văn phòng L thuộc đoàn Luật sư tỉnh T.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Mạnh T**, sinh năm 1960.

Nơi cư trú: Xóm L trước kia, nay là xóm A, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1956.
- Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1964.
- Bà **Nguyễn Thị Ú**, sinh năm 1971.
- Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1975.

Cùng nơi cư trú: Xóm L trước kia, nay là xóm A, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Bà **Nguyễn Thị T2**, sinh năm 1959.

Nơi cư trú: Xóm L trước kia, nay là xóm A, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Bà **Đào Thị C**, sinh năm 1962.

Nơi cư trú: Xóm Đ trước kia, nay là xóm D, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Anh **Nguyễn Tuấn H**, sinh năm 1983 (con ông T).

Nơi cư trú: Xóm Đ trước kia, nay là xóm D, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị G được quyền sử dụng, sở hữu đối với:

- 310,1m² đất tại thửa đất số 281 tờ bản đồ số 31 xã H trước kia, nay là tờ bản đồ số 163 xã Đ trong đó có 100m² đất ở, còn lại 210,1m² là đất trồng cây lâu năm (Vườn tạp) cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị G (Hiện bà Nguyễn Thị G đang sử dụng). Giá trị đất ở: 100m² đất ở x 700.000đ = 70.000.000 đồng. Giá trị đất vườn tạp: 210,1m² x 65.000đ = 13.656.500 đồng. Tổng cộng giá trị hai loại đất là **83.656.500 đồng**.

Vị trí, ranh giới diện tích 310,1m² đất bà Nguyễn Thị G được chia tại thửa đất số 281 tờ bản đồ số 163 xã Đ, tỉnh Thái Nguyên theo bản Trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. (Theo sơ đồ tại các điểm: 4,5,6,7,8,9,12,4).

2.2. Ông Nguyễn Mạnh T được quyền sử dụng, sở hữu đối với:

- 1353m² đất tại thửa đất số 281 tờ bản đồ số 31 xã H trước kia, nay là tờ bản đồ số 163 xã Đ, tỉnh Thái Nguyên trong đó có 300m² đất ở, còn lại 1.053m² là đất trồng cây lâu năm (Vườn tạp) cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất (Hiện ông Nguyễn Mạnh T đang sử dụng).

Vị trí, ranh giới diện tích 1353m² đất tại thửa đất số 281 tờ bản đồ số 163 xã Đ, tỉnh Thái Nguyên theo bản Trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. (Theo sơ đồ tại các điểm: 6,7,8,9,13,14,15,16,17,18,19,20,21,22,23,24,25,26,6).

- Thửa đất số 90 tờ bản đồ số 31 xã H trước kia, nay là tờ bản đồ số 163 xã Đ, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 2509m², loại đất CLN (Vườn tạp) cùng tài sản gắn liền với đất.

Vị trí, ranh giới thửa đất số 90 tờ bản đồ số 31 xã H trước kia, nay là tờ bản đồ số 163 xã Đ, tỉnh Thái Nguyên theo bản Trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. (Theo sơ đồ tại các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,1).

- Thửa đất số 107 tờ bản đồ số 31 xã H trước kia, nay là tờ bản đồ số 163 xã Đ, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 104m², loại đất CLN cùng tài sản gắn liền với đất.

Vị trí, ranh giới thửa đất số 107 tờ bản đồ số 31 xã H trước kia, nay là tờ bản đồ số 163 xã Đ, tỉnh Thái Nguyên theo bản Trích đo hiện trạng sử dụng đất

kèm theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. (Theo sơ đồ tại các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,1).

- Thửa đất số 109 tờ bản đồ số 31 xã H trước kia, nay là tờ bản đồ số 163 xã Đ, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 337m², loại đất NTS.

Vị trí, ranh giới thửa đất số 109 tờ bản đồ số 31 xã H trước kia, nay là tờ bản đồ số 163 xã Đ, tỉnh Thái Nguyên theo bản Trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. (Theo sơ đồ tại các điểm: 1,2,3,4,5,6,1).

- Thửa đất số 132 tờ bản đồ số 31 xã H trước kia, nay là tờ bản đồ số 163 xã Đ, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 259m², loại đất NTS.

Vị trí, ranh giới thửa đất số 132 tờ bản đồ số 31 xã H trước kia, nay là tờ bản đồ số 163 xã Đ, tỉnh Thái Nguyên theo bản Trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. (Theo sơ đồ tại các điểm: 1,2,3,4,5,1).

Bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Mạnh T có quyền và nghĩa vụ làm thủ tục tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với những diện tích đất, thửa đất được phân chia quyền sử dụng nêu trên.

Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền căn cứ Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự này để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Mạnh T đối với những diện tích đất, thửa đất được chia quyền sử dụng theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bà Nguyễn Thị G tự nguyện chịu toàn bộ chi phí và đã chi phí xong.

Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị G phải chịu **2.091.000 đồng** án phí DSST có giá ngạch nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền **5.000.000 đồng** tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên ngày 14/01/2026, biên lai thu số 0000201. Hoàn trả lại bà Nguyễn Thị G **2.909.000 đồng** tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Ông Nguyễn Mạnh T là người cao tuổi được miễn án phí DSST nộp ngân sách Nhà nước.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn thụ lý số 03/2026/TLYCPT-DS, ngày 12 tháng 5 năm 2026 do bị đơn đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV 5 - Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ vụ án, bộ phận DS.

THẨM PHÁN

Đỗ Hữu Nường